

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-PT.**

Ngày 09/01/2023.

V/v: “chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông
Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 09/01/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2022/TLPT- HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 66/2022/HNGĐ-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H, tỉnh B bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 25/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoà, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Chăm, xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Văn Thụ- Trưởng văn phòng luật sư Đặng Thụ - Đoàn luật sư tỉnh B (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Cụ Trần Văn Mưu, sinh năm 1956 (Có mặt)

Cụ Trần Thị Đào, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Anh Trần Văn Toán, sinh năm 1996 (Có mặt)

Anh Trần Văn Tính, sinh năm 1997 (Có mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B.

*** Người kháng cáo:** Anh Trần Văn Toán, Anh Trần Văn Tính.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày: Năm 2021 bà và ông Trần Văn K được Tòa án nhân dân huyện Hiệp H giải quyết cho vợ chồng ly hôn tại bản án số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 05/4/2021. Về tài sản chung của vợ chồng chưa yêu Tòa án giải quyết, nay do bà và ông K không thỏa thuận được về tài sản nên bà làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp H chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Ông, bà có tài sản chung gồm:

Về đất ở: thửa đất số 509, tờ bản đồ số 45, diện tích 398,5m² vị trí thửa đất ở tại thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ, huyện Hiệp H, mua của ông Trần Văn Phúc và bà Đặng Thị Tư giá 250.000.000 đồng. Ngày 12/5/2017 được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H và Trần Văn K, giá trị thửa đất theo Kt quả định giá: Đất ở diện tích: 360m² = 2.160.000.000 đồng. Đất vườn diện tích: 38.5m² = 115.500.000 đồng. Bà đề nghị chia cho bà đất để bà có chỗ làm nhà ở, do hiện nay bà chưa có chỗ ở nào khác.

Bà yêu cầu giải quyết tài sản gắn liền với đất thửa đất số 510, tờ bản đồ số 45 vị trí thửa đất tại Thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ, trên thửa đất của cụ Trần Văn Mưu và cụ Trần Thị Đào, quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết bà rút yêu cầu.

Bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Ông bà được Tòa án nhân dân huyện Hiệp H giải quyết cho ly hôn như bà H trình bày là đúng

Về tài sản chung: Thửa đất số 509, tờ bản đồ số 45, diện tích 398,5m² vị trí thửa đất ở tại thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ, khi mua giá 250.000.000 đồng như bà H trình bày là đúng. Tại thời điểm mua thửa đất trên là có sự đóng góp của hai con anh là anh Trần Văn Toán và anh Trần Văn Tính, hai anh Tính, Toán có đưa cho vợ chồng ông để trả tiền đất là 150.000.000 đồng và được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/5/2017 mang tên Trần Thị H và Trần Văn K. Ông xác định thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị chia thửa đất trên làm 5 phần ông và bà H được hai phần, còn 3 phần chia cho hai anh Tính, Toán vì các anh góp tiền nhiều hơn. Bà H yêu cầu chia đôi thửa đất trên, ông không đồng ý.

Cụ Trần Văn Mưu và cụ Trần Thị Đào tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án hai cụ trình bày:

Hai cụ là bố mẹ của ông Trần Văn K. Năm 2012, ông K và bà H có hỏi mượn đất để xây nhà, hai cụ nhất trí. Nay hai cụ xác định đất là của hai cụ thì trả

lại cho hai cụ còn các tài sản trên đất là của ông K bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về yêu cầu của ông K có nợ hai cụ 02 chỉ vàng khi xây nhà. Nay hai cụ chưa yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn Toán và Trần Văn Tính: Tại các bản ghi lời khai đều xác định là con của ông K, bà H. Nay bố mẹ các anh có yêu cầu chia tài sản, các anh đề nghị Đối với ngôi nhà 02 tầng xây năm 2012, các anh có công sức đóng góp, số lượng tiền không nhớ nhưng các anh đi làm có tiền là đưa cho bố mẹ để xây nhà và công trình phụ; Về thửa đất mua của ông Phúc năm 2017, các anh có đóng góp số tiền 150.000.000đồng. Nay các anh đề nghị trích chia công sức cho các anh bằng đất ở.

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2022/HNGĐ-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H, tỉnh B đã quyết định:

Áp dụng Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H

1. Xác định thửa đất số 509, tờ bản đồ số 45, diện tích 398, 5 m²; Vị trí thửa đất ở tại thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ trong đó: Đất ở diện tích: 360m²; Đất vườn diện tích: 38.5m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 493261, do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 mang tên ông Trần Văn K và bà Trần Thị H được xác định là tài sản chung của vợ chồng.

Giao cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng 196.4m² tại thửa đất số 509, tờ bản đồ số 45, tổng diện tích của cả thửa 398,5 m² vị trí thửa đất ở tại thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ trong đó: Đất ở diện tích: 360m²; Đất vườn diện tích: 38.5m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 493261, do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 mang tên ông Trần Văn K và bà Trần Thị H.

Cụ thể bà H được sử dụng 196.4m²(Trong đó có 180m² đất ở = 1.080.000.000 đồng và 16,4 m² đất trồng cây lâu năm = 49.200.000đồng tổng giá trị tài sản mà bà H được giao = 1.129.200.000 đồng) có các cạnh A1; A2; A3;A4;A5 được giới hạn bởi các mốc giới thửa đất như sau.

Phía đông: Từ điểm A1 đến A2= 25.23 m; Giáp phần đất còn lại của thửa đất chia cho anh Trần Văn K. Phía Nam: Từ điểm A2 đến A3 = 6.92m giáp đề sông cầu. Phía Bắc: Từ điểm A1 đến A5 = 6.50 m ; từ A5 đến A4 = 1.71m giáp

hộ ông Ngô Văn Biên. Phía tây: Từ điểm A4 đến A3 = 24.81m giáp đường tiểu ngõ vào hộ ông Ngô Văn Biên.

Giao cho ông Trần Văn K được quyền sử dụng 202.1m² tại thửa đất đất số 509, tờ bản đồ số 45, tổng diện tích của cả thửa 398, 5 m² vị trí thửa đất ở tại thôn Yên Ninh, xã Đông Lỗ trong đó; Đất ở diện tích: 360m²; Đất vườn diện tích: 38.5m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 493261, do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 mang tên ông Trần Văn K và bà Trần Thị H.

Cụ thể ông K được sử dụng 202.1m² (Trong đó có 180 m² đất ở = 1.080.000.000 đồng và 22,1m² đất trồng cây lâu năm = 66.300.000 đồng; Tổng giá trị tài sản ông K được giao = 1.146.300.000 đồng) có các cạnh A1; A2; A6: A7;A8;A9 được giới hạn bởi các mốc giới thửa đất như sau.

Phía đông Từ điểm A1 đến A7;A8;A9; Giáp hộ ông Trần Văn Mưu; Phía Nam: Từ điểm A2 đến A9 m = 6.92 giáp đê sông cầu; Phía Bắc: Từ điểm A1 đến A6 = 6.50 m giáp hộ ông Ngô Văn Biên; Phía tây: từ điểm A1 đến A2 = 25.23 m Giáp với phần đất đã chia cho bà Trần Thị H.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với Tài sản gắn liền với đất và tài sản là động sản trên thửa đất số 510, tờ bản đồ số 45 vị trí thửa đất tại Thôn Yên Ninh, xã Đông Lỗ, trên thửa đất của cụ Trần Văn Mưu và Trần Thị Đào (bố mẹ đẻ ông Trần Văn K).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 06/9/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Tính và anh Trần Văn Toán có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị chia công sức cho các anh.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Anh Tính, anh Toán trình bày: Quá trình chung sống cùng bố mẹ anh, khi bố mẹ các anh mua đất năm 2017 anh Tính 20 tuổi và anh Toán 21 tuổi. Khi mua nhà các anh có góp tiền vào cho bố mẹ để mua đất là 150.000.000đồng, nguồn tiền các anh kiếm được là do lao động mà có. Do vậy, các anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia cho các anh đất để ở.

* Nguyên đơn bà H trình bày, bà không đồng ý, Thời điểm mua đất các con bà còn nhỏ, các anh có đi làm có đưa tiền cho vợ chồng nhưng để chia tiêu trong gia đình. Khi mua đất vợ chồng bà có 150.000.000đồng. Bà đã cho các con phần nhà trên đất đã giao cho ông K nên các con bà đề nghị chia đất bà không đồng ý.

Bị đơn ông K trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu của các con ông, đề nghị chia đất cho các con ông theo yêu cầu của anh Tính, Toán vì các con ông không có chỗ ở nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Tính, Toán. Căn cứ khoản 1 Điều 308; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 66/2022HNGĐ-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H, tỉnh B, tỉnh B.

- Về án phí phúc thẩm: Anh Tính, anh Toán mỗi người phải chịu 300.000đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Kt quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là bà Trần Thị Đào đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt

[2]. Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Văn Tính và anh Trần Văn Toán, HĐXX thấy:

Năm 2017 ông Trần Văn K và bà Trần Thị H có mua đất của hộ ông của ông Trần Văn Phúc và bà Đặng Thị Tư giá 250.000.000đồng. Ngày 12/5/2017 ông bà được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 509, tờ bản đồ số 15, diện tích 398,5m² (trong đó có 360m² đất ở và 38,5m² đất vườn) trí thửa đất ở tại thôn Yên Ninh, xã Đồng Lỗ, huyện Hiệp H, tỉnh B số CI 493261, do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 mang tên ông Trần Văn K và bà Trần Thị H. Diện tích đất này ông K, bà H anh Tính, anh Toán đều xác định là tài sản chung của ông K, bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung vợ chồng và chia theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có tiến hành làm việc với anh Trần Văn Toán, Trần Văn Tính có ghi lời khai, hai anh có yêu cầu chia công sức bằng đất. Tòa án nhân dân huyện Hiệp H đã lập biên bản giải thích về quyền nghĩa vụ cho anh Toán, anh Tính; Trường hợp các anh có yêu cầu các anh phải

có đơn và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng các anh trình bày các anh không làm đơn và không nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án sơ thẩm có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và giao cho hai anh theo quy định. Hết thời hạn theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí các anh không nộp nên Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này và nhận định trường hợp anh Toán, anh Tính có đơn yêu cầu sẽ được xem xét và giải quyết bằng một vụ án khác. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 186; 143; Điều 201- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết theo yêu cầu của anh Tính, anh Toán được.

[3]. Từ những nội dung trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Tính và anh Trần Văn Toán. Căn cứ khoản 1, Điều 308- BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của ông K, bà H sau khi ly hôn.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Tính, anh Toán không được chấp nhận nên hai anh mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148- BLTTDS và khoản 1, Điều 29 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] . Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 186; 143; Điều 201; khoản 1, Điều 148- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1, Điều 29 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Tính, Trần Văn Toán. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 66/2022/HNGĐ-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H, tỉnh B.

2. Về án phí phúc thẩm: Trần Văn Tính, Trần Văn Toán mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền anh Tính đã nộp 300.000đồng tại biên lai số 0008289 ngày 06/9/2022 và anh Toán đã nộp 300.000đồng tại biên lai số 0008289 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp H, tỉnh B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện Hiệp H;
- Chi cục THADS huyện Hiệp H;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương